

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Lê Hồng Châu

. Ông Huỳnh Thái Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu D - sinh năm: 1987; trú tại: Tổ dân phố số B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí Q - sinh năm: 1990; trú tại: Thôn X xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09 tháng 8 năm 2022, Đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2023, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu D và anh Nguyễn Chí Q tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2015 quyền số

01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, thường hay cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và tôn trọng nhau nên thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Anh **Q** còn ham chơi, không chăm lo làm ăn, không phụ giúp được gì cho gia đình. Mỗi lần chị **D** khuyên nhủ thì anh **Q** lại lớn tiếng, đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng nên vào năm 2019, sau khi cãi vã anh **Q** đã bỏ nhà đi. Đến năm 2020, anh **Q** quay về nhà và hứa sẽ thay đổi để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau khi chị **D** mang thai con chung thì anh **Q** về nhà cha mẹ ở **X, xã V** ở. Từ đó đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Chị **D** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị **D** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Chí Q**.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là **Nguyễn Chí T** - sinh ngày 23/10/2021. Con chung đang sống cùng với chị **D**. Chị **D** yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh **Nguyễn Chí Q** để trình bày ý kiến về việc chị **D** khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh **Q** đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh **Q**, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Thu D** yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Chí Q** - trú tại: **Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa** nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn anh

Nguyễn Chí Q đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Chí Q**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh **Nguyễn Chí Q** vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị **D** và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị **D** và anh **Q** là tự nguyện, đăng ký kết hôn 29 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2015 quyển số 01/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa chị **D** và anh **Q** là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị **D** thì vợ chồng chị hiện nay không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **Q** đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh **Q** đều không có mặt, chứng tỏ anh **Q** không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị **D** và anh **Q** theo chị **D** trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau nên thường hay xảy ra cãi vã. Anh **Q** không biết quan tâm lo lắng gì đến gia đình. Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị **D** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **Q** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị **D**.

[3] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Thu D** và anh **Nguyễn Chí Q** có 01 (một) con chung là **Nguyễn Chí T** - sinh ngày 23/10/2021. Chị **D** yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị **D** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Con chung hiện đang do chị **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì vậy việc giao cho chị **D** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị **D**. Chị **D** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Thu D** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Thu D** xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh **Nguyễn Chí Q** mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của

nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh **Q**.

[7] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thu D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 3 00.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị **Nguyễn Thị Thu D** được ly hôn với anh **Nguyễn Chí Q**.

2. Về con chung:

Giao con chung duy nhất là **Nguyễn Chí T** - sinh ngày 23 tháng 10 năm 2021 cho chị **Nguyễn Thị Thu D** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị **D** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị **D**, anh **Q** có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thu D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001848 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị **D** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Tuyết Mỹ